

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

### *Quy chế công bố thông tin*

**Kính gửi:** - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

#### **I. Giới thiệu về Tổ chức công bố thông tin:**

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)
- Mã chứng khoán: ABI
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6 tòa nhà chung cư 29T1 - đường Hoàng Đạo Thúy - phường Yên Hòa - TP Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 62990055 Fax: (024) 62580055  
- Email: baohiemagribank@abic.com.vn  
- Website: <https://abic.com.vn/>
- Người thực hiện công bố thông tin: ông Đỗ Minh Hoàng – TV HĐQT chuyên trách.

#### **II. Nội dung thông tin công bố:**

1. Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp công bố Quy chế Công bố thông tin được ban hành kèm theo Quyết định số 1038/QĐ-ABIC-HĐQT ngày 09/12/2025 của Hội đồng quản trị (*chi tiết xem tại Quyết định số 1038/QĐ-ABIC-HĐQT đính kèm*).

2. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của ABIC từ ngày 09/12/2025 tại đường dẫn: <https://abic.com.vn/vi/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu CSNS, VP TSC.

#### **Tài liệu đính kèm:**

- Quyết định số 1038/QĐ-ABIC-HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Đỗ Minh Hoàng

Số: 038/QĐ-ABIC-HĐQT

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019, Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ban hành ngày 16/06/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp năm 2023, Phụ lục sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 1014/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 của Hội đồng quản trị;

Theo đề nghị của Ban Chính sách và Nhân sự tại Tờ trình số 4818/TT-ABIC-CSNS ngày 08/12/2025,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế Công bố thông tin*”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Ban, Văn Phòng tại Trụ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc ABIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP TSC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *[Chữ ký]*  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải



## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1038/QĐ-ABIC-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)

### CHƯƠNG I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- a. Các đơn vị, cá nhân trong toàn hệ thống ABIC;
- b. Người nội bộ Công ty và người có liên quan của người nội bộ.

##### **Điều 2. Văn bản pháp luật làm căn cứ xây dựng Quy chế**

1. Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và văn bản sửa đổi bổ sung;

2. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 và văn bản hướng dẫn Luật;

3. Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ban hành ngày 16/06/2022 và văn bản hướng dẫn Luật kinh doanh bảo hiểm

4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán; và các thông tư sửa đổi bổ sung Thông tư 96//2020/TT-BTC bao gồm Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025;

6. Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

7. Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp năm 2023.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Người nội bộ Công ty bao gồm:*

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- c. Thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

d. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e. Kế toán trưởng;

g. Người đại diện theo pháp luật, Người thực hiện CBTT (Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền CBTT);

*Thu*

*Ph*



h. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty.

2. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a. Công ty và người nội bộ của Công ty;

b. Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;

c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. "*Ngày công bố thông tin*" là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 7 Quy chế này.

4. "*Ngày báo cáo*" là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên IDS PRO, phương tiện CBTT của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

5. "*Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán*" được xác định như sau:

a. Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;

b. Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c. Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC;

d. Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e. Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua SGDCK.

6. "*Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán*" được xác định như sau:

a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;

b. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSDC trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC;

e. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

g. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua SGDCK.

*ue*

*GP*



7. Bộ phận công bố thông tin là bộ phận được Hội đồng quản trị quy định tại từng thời kỳ để làm đầu mối, chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện nghiệp vụ công bố thông tin của Công ty.

8. Đơn vị: bao gồm các Ban, Văn phòng Trụ sở chính và các Chi nhánh trực thuộc ABIC.

9. Các từ viết tắt

Công ty	: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TGD	: Tổng Giám đốc
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
IDS PRO	: Hệ thống CBTT của UBCKNN
CIMS	: Hệ thống quản lý thông tin thuộc SGDCK Hà Nội
CBTT	: Công bố thông tin
BCTC	: Báo cáo tài chính
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông

**Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng CBTT tại Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi CBTT, đối tượng CBTT quy định tại Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

6. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc CBTT do người thực hiện CBTT thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này



7. Thông tin được công bố và được bảo quản, lưu giữ tại Công ty như sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm kể từ ngày thông tin được công bố;

b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm kể từ ngày thông tin được công bố.

c. Các thông tin công khai thường xuyên phải được cập nhật và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, đối tượng CBTT thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

### **Điều 5. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin**

1. Ngôn ngữ thực hiện CBTT là tiếng Việt.

2. Công ty thực hiện CBTT đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình như sau:

a. Công ty CBTT định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2025;

b. Công ty CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và CBTT về các hoạt động khác của Công ty đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2026.

3. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin công bố bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin công bố bằng tiếng Việt được áp dụng.

### **Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

a. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

b. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

### **Điều 7. Phương tiện công bố thông tin**

1. Các phương tiện CBTT bao gồm:

a. Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty;

b. Hệ thống CBTT của UBCKNN (IDS Pro);

c. Trang thông tin điện tử của SGDCK; hệ thống quản lý thông tin của SGDCK (CIMS)

d. Trang thông tin điện tử của VSDC.

e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật

2. Việc CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.



### **Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác và phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

## **CHƯƠNG II**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY VÀ ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN**

#### **Điều 9. Công bố thông tin định kỳ**

1. Báo cáo tài chính năm:

a. Công ty thực hiện CBTT về BCTC năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC.

b. Công ty thực hiện công bố BCTC năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính bán niên:

a. Công ty thực hiện công bố BCTC bán niên đã được soát xét kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

b. Công ty thực hiện công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Báo cáo tài chính quý:

a. Công ty công bố BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có) kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp BCTC quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

b. Công ty thực hiện công bố BCTC quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý hoặc trong thời hạn 05 ngày đối với BCTC quý được soát xét (nếu có) kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.

4. Giải trình biến động lợi nhuận

Khi CBTT các BCTC nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong số các trường hợp sau:

a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;



c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, công ty đại chúng phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

6. Báo cáo thường niên:

Công ty lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán.

7. Báo cáo tình hình quản trị Công ty:

Công ty thực hiện CBTT về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch. Đối với SGĐCK, công ty gửi hai (02) bản báo cáo gồm:

Một (01) bản báo cáo đầy đủ các nội dung theo mẫu tại Phụ lục V ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Một (01) bản báo cáo theo mẫu tại Phụ lục V ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này để SGĐCK thực hiện CBTT.

8. Báo cáo đánh giá khả năng thanh toán và quản trị rủi ro; vốn thực có và tỷ lệ an toàn vốn:

Công ty thực hiện CBTT trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn gửi báo cáo theo quy định.

9. Thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên:

a. Công ty phải CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và UBCKNN, SGĐCK về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp, Chương trình họp, Phiếu biểu quyết;

- Tài liệu sử dụng trong cuộc họp và Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

c. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Ban Kiểm soát, công ty đại chúng phải CBTT liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của công ty.

d. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

e. Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và các tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết phải được công bố trong vòng 24h theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Quy chế này.

## **Điều 10. Công khai thông tin thường xuyên**

1. Thông tin về hồ sơ Công ty bao gồm:

a. Thông tin trong giấy phép thành lập và hoạt động;



- b. Thông tin về Chủ tịch HĐQT, TGD, người đại diện theo pháp luật và Chuyên gia tính toán;
- c. Địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm kinh doanh;
- d. Đường dây nóng.

2. Thông tin về hoạt động nghiệp vụ bao gồm:

- a. Quy tắc, điều khoản, biểu phí của từng sản phẩm bảo hiểm đang cung cấp, nội dung khách hàng cần lưu ý đối với từng sản phẩm bảo hiểm;
- b. Quy trình, hồ sơ yêu cầu và thời hạn giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm;
- c. Các mục tiêu, chính sách quản lý đầu tư;
- d. Các mục tiêu, chính sách đánh giá tỷ lệ an toàn vốn.

### **Điều 11. Công bố thông tin bất thường**

1. Công ty CBTT bất thường (nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)) trong thời gian 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây theo quy định pháp luật:

a. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.

b. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.

c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

d. Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.

e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.

g. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; quyết định đầu tư ra nước ngoài.

h. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).

i. Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký

15/11



k. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc để giải thể công ty con, công ty liên kết.

l. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty.

m. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.

n. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGĐCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Đối với SGĐCK công ty gửi kèm Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu tại Quy chế của SGĐCK và các quy định pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế.

o. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.

p. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế; Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.

q. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.

r. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.

s. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

t. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét.

u. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.

v. Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.



2. Công ty thực hiện đăng tải thông tin cần công khai trên trang thông tin điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây:

- a. Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến có cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ;
- b. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh bảo hiểm;
- c. Tồn thất tài sản có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên; chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm; hoạt động tái bảo hiểm hạn chế.
- d. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm hoặc thông tin sự kiện ảnh hưởng trọng yếu đến vốn, khả năng thanh toán, quản trị rủi ro và quản trị Công ty.
- e. Những diễn biến bất thường có ảnh hưởng tới khả năng thanh toán, uy tín của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

3. Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi công khai thông tin tại Khoản 2 Điều 11, Công ty phải gửi thông báo đến Bộ Tài chính.

4. CBTT về ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

a. Việc CBTT về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Quy chế này;

b. Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản: tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

5. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

a. Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

b. Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

6. CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

## **Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó;

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).



### **Điều 13. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty.**

1. CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn: Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định của pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Công ty CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, của SGDCK, VSDC và hệ thống CBTT của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ:

a. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

b. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

### **Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.**

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, ngoại trừ trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty khi thực hiện chuyển quyền sở hữu theo quy định tại điểm q2 khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2020/TT-BTC;

b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu

*Ure*

*JP*



chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

2. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ của Công ty và người có liên quan đến người nội bộ theo Điều này.

3. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

4. Quy định về nghĩa vụ CBTT tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của đối tượng này.

5. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (Công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ Công ty, công ty chứng khoán phải CBTT và báo cáo UBCKNN, SGDCK và thông báo cho Công ty khi giá trị giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, bao gồm trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 24 giờ kể từ các thời điểm sau đây:

a. Hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 7, 8 Điều 40k văn bản hợp nhất số 45/VBHN-BTC ngày 28/10/2025;

b. Công ty chứng khoán hoàn tất việc bán cổ phiếu theo quy định tại khoản 9 Điều 40k văn bản hợp nhất số 45/VBHN-BTC ngày 28/10/2025.



### CHƯƠNG III

#### TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

##### **Điều 15. Trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin**

1. Người thực hiện CBTT chịu trách nhiệm việc CBTT của Công ty theo quy định của Quy chế này và các quy định liên quan của pháp luật.
2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện CBTT.

##### **Điều 16. Trách nhiệm của Bộ phận công bố thông tin**

1. Đề nghị các đơn vị, cá nhân liên quan:
  - a. Cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn các thông tin, tài liệu phục vụ cho việc công bố thông tin.
  - b. Làm rõ, giải trình những nội dung thông tin chưa rõ ràng hoặc có dấu hiệu mâu thuẫn, không phù hợp trước khi tiến hành công bố thông tin.
2. Thống kê, tổng hợp các loại thông tin cần công bố; thu thập các thông tin, kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về CBTT; trình Người thực hiện CBTT phê duyệt.
3. Thực hiện CBTT đã được Người thực hiện CBTT phê duyệt lên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK theo quy định.
4. Thực hiện cung cấp thông tin đã được Người thực hiện CBTT phê duyệt cho Ban Truyền thông để đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Sau khi nhận được thông tin đầy đủ và đúng thời hạn từ các đơn vị, cá nhân liên quan, bộ phận CBTT có trách nhiệm bảo đảm việc CBTT lên hệ thống CBTT của UBCKNN và SGDCK đúng thời hạn theo quy định pháp luật.

##### **Điều 17. Trách nhiệm của Ban Truyền thông**

1. Tiếp nhận thông tin từ Bộ phận CBTT và thực hiện đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty kịp thời đúng quy định.
2. Tổ chức lưu trữ thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng quy định tại Khoản 7 Điều 4 Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan**

1. Theo dõi, nắm bắt các thông tin cần công bố theo quy định tại các Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Quy chế này.
2. Cung cấp thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ phận CBTT.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp cho Bộ phận CBTT.
4. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Quy chế này, các đơn vị, cá nhân (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho Bộ phận CBTT trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
5. Trong trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đơn vị, cá nhân có liên quan lập báo cáo, giải trình lý do và nội dung thông tin sửa đổi cung cấp cho Bộ phận CBTT trình Người thực hiện CBTT phê duyệt.



## CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 19. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Các đơn vị và cá nhân có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động CBTT gây thiệt hại cho ABIC thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật và ABIC.

### Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị ABIC quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định về CBTT nhưng Quy chế này chưa quy định thì thực hiện theo quy định pháp luật. Trường hợp pháp luật thay đổi dẫn đến việc áp dụng Quy chế này trái với quy định của pháp luật thì áp dụng quy định pháp luật hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ   
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I</b> .....	2
<b>QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	2
Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng .....	2
Điều 2. Văn bản pháp luật làm căn cứ xây dựng Quy chế.....	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ .....	2
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin .....	4
Điều 5. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin.....	5
Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin .....	5
Điều 7. Phương tiện công bố thông tin .....	5
Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin.....	6
<b>CHƯƠNG II</b> .....	6
<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY VÀ ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN</b> .....	6
Điều 9. Công bố thông tin định kỳ.....	6
Điều 10. Công khai thông tin thường xuyên.....	7
Điều 11. Công bố thông tin bất thường .....	8
Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	10
Điều 13. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty.....	11
Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.....	11
<b>CHƯƠNG III</b> .....	13
<b>TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	13
Điều 15. Trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin .....	13
Điều 16. Trách nhiệm của Bộ phận công bố thông tin .....	13
Điều 17. Trách nhiệm của Ban Truyền thông.....	13
Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan .....	13
<b>CHƯƠNG IV</b> .....	14
<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b> .....	14
Điều 19. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	14
Điều 20. Điều khoản thi hành .....	14

